TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 480/2019/DS-ST
Ngày: 24 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Minh Hải

2/ Bà Trần Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2019/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ma Khánh C, sinh năm 1984; địa chỉ: Đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 1209/2018/UQ-TTT ngày 25/12/2018) (Có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh O, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Đường D, Phường U, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Đường I, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Ma Khánh C trình bày: Ngày 07/4/2014, bà L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi tắt là Hợp đồng). Theo đó, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,15%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 80.142.687 đồng, đã thanh toán 59.199.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 01/10/2017 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay, Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán ngay một lần số tiền tạm tính đến ngày

24/10/2019 là 61.577.544 đồng (có bản sao kê chi tiết cụ thể), bao gồm: Nợ gốc 33.969.936 đồng, lãi quá hạn: 27.607.608 đồng.

Ngoài ra, bà L phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh L vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật .

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án*: Bị đơn có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với nguyên đơn, do đó có cơ sở xác định giữa hai bên đương sự có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Phía bị đơn, dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập, niêm yết hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về việc đưa người vào tham gia tố tụng*: Bị đơn ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với nguyên đơn nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền còn thiếu; mặt khác, theo các kết quả xác minh của Công an Phường 13, Phường 14, quận Tân Bình thì không xác định được chồng của bị đơn là ai nên không đủ căn cứ để đưa người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đối với thẻ S Master có số tài khoản 512341 – 0361 ngày 07/4/2014 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì giữa hai bên đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ là phù hợp với qui định của Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Theo các thỏa thuận của hai bên thì hàng tháng nguyên đơn đều thông báo chi tiết các giao dịch phát sinh, các khoản phí, lãi, số dư nợ, thời hạn thanh toán nhưng bị đơn vẫn cố tình vi phạm không thanh toán. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập bị đơn lên Tòa làm việc về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử căn cứ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định bị đơn còn thiếu nguyên đơn số tiền gốc 33.969.936 đồng.

Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu, theo các bản tóm tắt sao kê hạn mức tín dụng của Ngân hàng, có cơ sở để xem xét quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 nên nguyên đơn căn cứ theo quy định tại Điều 22, 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do tranh chấp hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng thẻ tín dụng là loại hợp đồng dân sự đặc thù, được điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng và văn bản pháp luật của Ngân hàng nhà nước. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" và tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định: "Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng". Đối chiếu với các quy định trên thì việc thỏa thuận lãi giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 24/10/2019 là 27.607.608 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 25/10/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký và là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả một lần toàn bộ số tiền nợ tính đến hết ngày 24/10/2019 là 61.577.544 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/10/2019 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 3.078.877đ.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 1.107.600đ cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Bà Lê Thị Thanh L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền là 61.577.544 đồng (Sáu mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng), bao gồm nợ gốc 33.969.936 đồng (Ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng), lãi quá hạn 27.607.608đ (Hai mươi bảy triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm lẻ tám đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng S Master, số tài khoản 512341 – 0361 ngày 07/4/2014 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Lê Thị Thanh L vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 3.078.877 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng)

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.107.600 đồng (Một triệu một trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số AA/2018/00xxxx ngày 0x/x/201x của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

- Buộc bà Lê Thị Thanh Loan có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền là 61.577.544 đồng (Sáu mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi bốn đồng), bao gồm nợ gốc 21.128.653đ đ (Hai mươi mốt triệu một trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi ba đồng), lãi quá hạn 5.000.946đ (Năm triệu chín trăm bốn mươi sáu đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Sacombank Master, số tài khoản 512341 – 0361 ngày 07/4/2016 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Lê Thị Thanh Loan vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 3.078.877 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm bảy mươi bảy đồng)

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.107.600 đồng (Một triệu một trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0038167 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Hải **Trần Thị Minh Phượng** **Mai Thị Bích Thảo**